

HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA HỘ TRỒNG ỔI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Dương Thị Thu Hoài¹, Vũ Thị Hiền²,
Đỗ Hoàng Sơn³, Cù Ngọc Bắc⁴

Tóm tắt

Nghiên cứu tập trung vào 3 nhóm đối tượng có quy mô diện tích trồng ổi: Quy mô nhỏ, quy mô trung bình và quy mô lớn tại thành phố Thái Nguyên. Phương pháp điều tra đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia, thu thập số liệu trực tiếp, phân tích thống kê mô tả, phân tổ thống kê, phương pháp so sánh được sử dụng để làm rõ những mục tiêu nghiên cứu đề ra. Kết quả cho thấy hiệu quả kinh tế của các hộ trồng ổi tại thành phố Thái Nguyên và chỉ ra cây ổi có vị trí quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao thu nhập của các hộ trồng ổi ở thành phố Thái Nguyên. Diện tích đất trồng ổi bình quân của mỗi hộ là 12,4 sào Bắc Bộ, chi phí cho 1 sào ổi là 7.35 triệu đồng. Tổng giá trị sản xuất bình quân đạt 21.27 triệu đồng/sào. Hiệu quả kinh tế sản xuất ổi của hộ nông dân ở thành phố Thái Nguyên có thể nói tương đối cao và có sự lựa chọn tổ hợp các yếu tố đầu vào hợp lý. Giữa các nhóm hộ khác nhau thì có kết quả và hiệu quả kinh tế khác nhau, nhóm hộ có quy mô lớn có hiệu quả kinh tế cao nhất xét về cả hiệu quả sử dụng đồng vốn và hiệu quả sử dụng lao động. Kết quả và hiệu quả kinh tế của sản xuất ổi chịu ảnh hưởng rõ rệt của rất nhiều yếu tố như điều kiện tự nhiên, nguồn lực đất đai, nguồn lực lao động và con người. Các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trồng ổi như giải pháp về khuyến nông, giải pháp về đất đai, giải pháp về thị trường, giải pháp về vốn và các nhóm giải pháp khác là cần thiết đối với các hộ trồng ổi.

Từ khóa: Ổi, hiệu quả kinh tế, mô hình, giải pháp, Thái Nguyên.

ECONOMIC EFFICIENCY OF GUAVA GROWING HOUSEHOLDS IN THAI NGUYEN CITY**Abstract**

The research focuses on 3 groups of subjects with three guava growing scale: small, medium and large scale in Thai Nguyen city. Participatory rapid rural assessment survey method, direct data collection, descriptive statistical analysis, statistical disaggregation, and comparison method are used to clarify the proposed research objectives. The results show the economic efficiency of guava growing households in Thai Nguyen city and indicate that guava trees have an important role in the process of agricultural economic development, increasing the income of guava growing households in Thai Nguyen city. The average guava growing area of each household is 12.4 Northern rods, the cost of production is 7.35 million VND per rod. The average total production value reaches 21.27 million VND/rod. The economic efficiency of guava production of farming households in Thai Nguyen city is relatively high and there is a reasonable choice of input factors. Between different groups of households, there are different economic results and efficiency. The group of large-scale households has the highest economic efficiency in terms of both capital use efficiency and labor use efficiency. The results and economic efficiency of guava production are clearly influenced by many factors such as natural conditions, land resources, labor and human resources. The main solutions should focus on improving the economic efficiency of guava growing such as the access to agricultural extension service, land solutions, market solutions, capital supporting and other groups of solutions, which are necessary for guava growing households.

Keywords: Guava, economic efficiency, model, solution, Thai Nguyen.

JEL classification: D1, D24, O13, Q13.

1. Đặt vấn đề

Sản xuất cây ăn quả đã trở thành một trong những ngành sản xuất quan trọng và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho đất nước nhờ vào nhiều điều kiện thuận lợi của nước ta. Trong những năm gần đây, việc thực hiện các công cuộc đổi mới, đặc biệt là sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đã đem lại những thành tựu đáng kể trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn của nước ta. Nhờ vào sự chuyển biến quan trọng trong đời sống kinh tế và xã hội ở nông thôn, ngành trồng cây ăn quả, đặc biệt là trồng các cây ăn quả đặc sản, đã phát triển mạnh mẽ về diện tích, năng suất, chất lượng, và sản lượng.

Nông nghiệp nước ta rất đa dạng và phong phú về sản phẩm, đang ngày càng được bổ sung và hoàn thiện để đáp ứng đủ và chất lượng các loại sản phẩm cho nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Trong số đó, nhu cầu về hoa quả ngày càng tăng cao và không thể thiếu được. Trong danh sách các cây ăn quả, ổi đóng vai trò quan trọng trong đời sống hiện nay. Ổi là một loại cây ăn quả lâu năm, mang lại hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt trong việc giảm nghèo và nâng cao mức sống của người dân. Cây ổi phù hợp với điều kiện đất đai và khí hậu của hầu hết các vùng trên cả nước. Đây là một cây ăn quả dễ trồng, mang lại giá trị kinh tế cao và sử dụng đất đai hiệu quả. Việc trồng ổi góp phần tạo việc làm và tận dụng nguồn lao động địa phương, từ đó tăng thu nhập cho người lao động (Nguyễn Lâm Dũng, 2008).

Cây ổi so với các loại cây ăn quả khác như vải, nhãn và những loại cây khác mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn rất nhiều. Trung bình một hecta trồng ổi có thể đem lại lợi nhuận khoảng 100 triệu đồng/năm. Với khả năng phát triển tốt và tiềm năng kinh tế cao, việc đẩy mạnh trồng cây ổi là một hướng đi hợp lý và có lợi cho nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn của đất nước.

Có một số nghiên cứu về cây ổi như xây dựng quy trình chiết và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của cao lá ổi non trồng tại xã Suối Nghê, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nguyễn Quang Thái và cs, 2020). Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện đề tài thuộc dự án khoa học công nghệ nông nghiệp vốn vay ADB (2011) về nghiên cứu tuyển chọn, nhân giống và kỹ thuật thâm canh

ổi không hạt phục vụ phát triển sản xuất tại một số tỉnh đồng bằng sông Hồng. Cây ổi hiện nay đang có xu hướng phát triển với các giống tương đối đa dạng, từ các giống địa phương như ổi Đông Dư (Gia Lâm, Hà Nội), ổi Vệt (Thanh Trì, Hà Nội), ổi Bo (Thái Bình) đến các giống ổi mới như ổi trắng (Viện Cây Lương thực), và một số giống ổi được du nhập như ổi Đài Loan, ổi Thái Lan... Tuy nhiên, việc trồng ổi cũng chỉ mang tính tự phát. Đa số người dân chưa đánh giá được hết những ưu nhược của giống trồng và thị trường tiêu thụ nên việc sản xuất mang tính rủi ro cao. Mặt khác, chưa có quy trình kỹ thuật cụ thể nào được áp dụng đồng bộ nên năng suất và chất lượng của ổi còn có nhiều mặt hạn chế (Đào Quang Nghị và cs, 2011). Kết quả và hiệu quả kinh tế của sản xuất ổi chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố nhưng các nhóm yếu tố điều kiện tự nhiên, nguồn lực đất đai, nguồn lực lao động và con người là những nhóm yếu tố ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả sản xuất ổi rõ rệt nhất, bên cạnh đó có những yếu tố ảnh hưởng không rõ ràng nên chúng ta không có nhận xét chính xác về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này tới kết quả và hiệu quả sản xuất ổi như yếu tố trình độ học vấn của chủ hộ. (Nguyễn Thị Thùy Ngân, 2015).

Thành phố Thái Nguyên đã và đang quy hoạch các vùng chuyên canh về nông nghiệp, đặc biệt chú trọng vào trồng cây ăn quả và rau màu. Trong số đó, cây ổi là một trong những loại cây trồng được đánh giá cao và phát triển mạnh mẽ ở một số xã, đem lại những kết quả tích cực như góp phần xóa đói giảm nghèo và đem lại hiệu quả kinh tế. Có một số xã như Phúc Trìu, Phúc Xuân, Thịnh Đức, Tân Cương, Linh Sơn và Quyết Thắng, nơi quả ổi đã dần trở thành thương hiệu được nhắc tới cả trong và ngoài tỉnh. Diện tích trồng ổi trên toàn thành phố Thái Nguyên tính đến năm 2022 đã đạt khoảng 1000 ha (UBND thành phố Thái Nguyên, 2022). Mặc dù đã có những thành tựu đáng kể trong việc phát triển sản xuất cây ổi, tuy nhiên sản xuất ổi ở Thái Nguyên vẫn đang gặp một số khó khăn, trở ngại. Cụ thể, đầu ra của cây ổi chưa ổn định, chất lượng sản phẩm chưa đồng đều, giá bán vẫn còn thấp (thực tế cho thấy có những thời điểm giá ổi xuống thấp chỉ khoảng 3000 đồng/kg) và chưa có sự liên kết sản xuất theo chuỗi hiệu quả (Nguyễn

Thị Thùy Ngân, 2015). Chính những khó khăn, trở ngại này đã ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn thu nhập của các hộ dân trồng ổi. Do đó, cần phải có các giải pháp thiết thực nhằm tháo gỡ những khó khăn, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất cây ổi và nâng cao giá trị kinh tế của nó, qua đó góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho các hộ dân trên địa bàn.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp chọn điểm và mẫu nghiên cứu

Căn cứ vào địa hình đặc trưng của thành phố Thái Nguyên tác giả chọn 03 xã có diện tích và số lượng hộ trồng ổi lớn nhất theo hướng hàng hóa (216/378 hộ): là các xã Linh Sơn, xã Phúc Xuân và xã Quyết Thắng. Tác giả thực hiện điều tra tại những hộ dân trồng ổi có tính đại diện giúp cho công tác xây dựng những chỉ tiêu phân tích phục vụ cho công tác điều tra của đề tài; qua điều tra trực tiếp và quan sát thực tiễn.

2.2. Phương pháp thu thập thông tin

2.2.1. Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp

Trong quá trình nghiên cứu, thông tin thứ cấp được thu thập từ nhiều cơ quan trong tỉnh và huyện, bao gồm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cục Thống kê. Các báo cáo thống kê định kỳ và điều tra chuyên môn cũng được sử dụng để cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ.

Tác giả cập nhật và xem xét các vấn đề liên quan để bổ sung và hoàn chỉnh cơ sở lý luận của đề tài. Những thông tin chung về vùng nghiên cứu được hệ thống hóa để tạo nên một tài liệu dày đặc, đáng tin cậy và làm cơ sở để đưa ra các định hướng và giải pháp cho nghiên cứu.

Bên cạnh việc thu thập và tính toán từ những số liệu đã công bố từ các nguồn đã nêu, tác giả còn thu thập tài liệu thứ cấp từ các ấn phẩm và các trang web chuyên ngành. Điều này giúp tăng cường nguồn thông tin và đảm bảo tính khách quan trong quá trình nghiên cứu.

2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp

Căn cứ vào đối tượng nghiên cứu, thời gian và mục tiêu nghiên cứu, tác giả tiến hành điều tra các hộ trồng ổi trên địa bàn thành phố Thái Nguyên và điều tra đại diện một số cán bộ thuộc cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan

Để thu thập được thông tin sơ cấp tác giả sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) trực tiếp tiếp xúc với các hộ trồng ổi và những người có liên quan tạo điều kiện để họ tự bộc lộ, mô tả những điều kiện sản xuất, những kinh nghiệm, những khó khăn và những mong đợi để thu thập được thông tin. Thông tin thu thập được dùng để phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế của các hộ trồng ổi.

- Phương pháp điều tra phỏng vấn: Tác giả tiến hành phỏng vấn từng chủ hộ trồng ổi bằng hệ thống phiếu điều tra phù hợp với thực tế địa phương. Phương pháp này giúp thu thập thông tin chi tiết và cụ thể từ các hộ trồng ổi.

2.2.3. Chọn mẫu điều tra

Để xác định quy mô số lượng hộ điều tra, tác giả đã sử dụng công thức tính số mẫu điều tra Slovin, phù hợp với mục tiêu và đặc điểm của các hộ trồng ổi trên địa bàn nghiên cứu. Cách tiếp cận này giúp tác giả thu thập thông tin đầy đủ và đáng tin cậy từ các hộ trồng ổi và cơ quan quản lý Nhà nước liên quan, hỗ trợ quá trình nghiên cứu và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế của hộ trồng ổi trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Theo thống kê của Phòng Kinh tế thành phố Thái Nguyên hiện nay tổng 3 xã Linh Sơn, xã Phúc Xuân, xã Quyết Thắng có 215 hộ trồng ổi theo hướng hàng hóa. Áp dụng công thức tính số mẫu điều tra Slovin:

$$n = \frac{N}{1 + N \cdot e^2}$$

Trong đó:

n: Số hộ cần điều tra (cỡ mẫu)

N: Là tổng số hộ số trồng ổi trên địa bàn 3 xã nghiên cứu

e: Sai số cho phép là 5%

Theo công thức tính mẫu trên thì số lượng mẫu điều tra của đề tài là hộ 140 hộ tại 3 xã. Từ danh sách các hộ trồng ổi, chúng tôi lựa chọn các hộ theo tỷ lệ quy mô trồng (20% quy mô nhỏ, 55% quy mô vừa, 25% quy mô lớn). Sự phân chia theo quy mô này dựa vào diện tích sản xuất ổi của hộ: Hộ có quy mô nhỏ có diện tích sản xuất dưới 2000m², hộ có quy mô trung bình có diện tích từ 2000m² đến 5000m², hộ có quy mô lớn có diện tích trên 5000m².

Bảng 1: Phân chia số lượng mẫu điều tra

Chỉ tiêu	Quy mô nhỏ	Quy mô trung bình	Quy mô lớn
Diện tích	Dưới 200m ²	Từ 2000m ² đến 5000m ²	Trên 5000m ²
Số hộ	28 hộ	78 hộ	36 hộ

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2023

2.2.4. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Số liệu điều tra được xử lý qua phần mềm Microsoft Excel để tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu cần thiết như số tuyệt đối, số tương đối và số trung bình.

- *Phương pháp thống kê mô tả*: Phương pháp này tác giả sử dụng để phân tích đặc điểm về đất đai, nhân khẩu, lao động, cơ cấu kinh tế của thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2020 - 2022, phân tích tình hình biến động của kinh tế hộ. Bên cạnh phương pháp thống kê mô tả so sánh qua các chỉ số phát triển liên hoàn, phát triển bình quân... nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ qua các năm, tìm ra nguyên nhân để đề xuất giải pháp phát triển kinh tế hộ trồng ổi.

- *Phương pháp so sánh*: So sánh sự biến động về các điều kiện KT-XH của thành phố Thái Nguyên; So sánh kết quả và hiệu quả sản xuất của các hộ trồng ổi theo các yếu tố ảnh hưởng.

2.3. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

2.3.1. Chỉ tiêu phản ánh thực trạng trồng ổi của hộ

Tuổi và trình độ của chủ hộ

Số lao động/hộ

Vốn đầu tư cho sản xuất và tiêu thụ ổi/hộ

Diện tích đất nông nghiệp bình quân hộ

Diện tích, năng suất, sản lượng ổi bình quân/hộ của các hộ điều tra

2.3.2. Chỉ tiêu phản ánh kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất ổi

Các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất

- Giá trị sản xuất (GO): Là toàn bộ giá trị của cải vật chất và dịch vụ được tạo ra trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm, đối với cây ổi).

$$GO = \sum Q_i P_i$$

Trong đó:

Q_i là khối lượng sản phẩm sản xuất thứ i

P_i là đơn giá sản phẩm i

Giá trị sản xuất đối với ổi đó là toàn bộ doanh thu bán sản phẩm từ ổi, Q là số lượng sản phẩm, P là giá cả tiêu thụ.

Chi phí trung gian (IC) là toàn bộ các chi phí vật chất (trừ khấu hao tài sản cố định) và dịch vụ để sản xuất ổi.

$$IC = \sum C_j$$

Trong đó:

C_j là toàn bộ chi phí vật chất và dịch vụ sản phẩm j

IC là chi phí trung gian

Chi phí trung gian đối với cây ổi đó là toàn bộ chi phí về giống, chi phí vật tư: đạm, lân, kali, phân chuồng, thuốc trừ sâu và các chi phí khác như điện, nước,...

Giá trị gia tăng (VA) là phần giá trị chênh lệch giữa giá trị hàng hóa bán ra và giá trị của những thứ dùng để làm ra hàng hóa đó.

$$VA = GO - IC$$

Trong đó:

GO là giá trị sản xuất

IC là chi phí trung gian

Thu nhập hỗn hợp (MI) là một phần của giá trị gia tăng sau khi đã trừ đi khấu hao tài sản cố định, thuế và lao động thuê (nếu có). Như vậy, thu nhập hỗn hợp bao gồm cả công lao động gia đình.

$$MI = VA - (A + T) - L$$

Trong đó:

VA là giá trị gia tăng

A là khấu hao tài sản cố định

T là các khoản thuế phải nộp

L là lao động thuê ngoài

Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế trồng ổi

Tỷ suất giá trị sản xuất theo tiêu chi phí (T_{GO}): là tỷ số sản xuất của sản phẩm thu được tính bình quân trên một đơn vị diện tích với chi phí trung gian trong một chu kỳ sản xuất.

$$\text{Công thức: } T_{GO} = \frac{GO}{IC} (\text{lần})$$

Tỷ suất giá trị tăng thêm theo chi phí (TVA: tính bằng phần giá trị tăng thêm tính bình quân trên một đơn vị diện tích với chi phí bỏ ra trong một chu kỳ sản xuất).

$$\text{Công thức: } T_{VA} = VA/IC$$

Tỷ suất chi phí hỗn hợp theo chi phí trung gian (T_{MI}).

$$\text{Công thức: } T_{MI} = \frac{MI}{IC}$$

- Tỷ suất giá trị theo công lao động (T_{GOLD})

$$\text{Công thức: } T_{GOLD} = \frac{GO}{\text{công lao động}}$$

Tỷ suất giá trị tăng theo công lao động (T_{VALD})

$$\text{Công thức: } T_{VALD} = VA/\text{công lao động}$$

Tỷ suất thu nhập hỗn hợp theo công lao động (T_{MILD})

$$\text{Công thức: } T_{MILD} = \frac{MI}{\text{công lao động}}$$

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tình hình trồng ổi tại thành phố Thái Nguyên

Bảng 2: Tình hình trồng ổi của thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2020 - 2022

Tiêu chí	ĐVT	Năm			Tốc độ phát triển(%)		
		2020	2021	2022	2021/2020	2022/2021	Bình quân
Số hộ trồng ổi	Hộ	355	365	378	101,55	101,02	101,28
Diện tích trồng ổi	Ha	442.00	453.00	465.00	102,49	102,65	102,57
Sản lượng ổi	Tấn	14.730	15.100	16.530	102,51	109,47	105,99
Giá trị sản lượng ổi tính trên ha	Triệu đồng	105	120.80	148.80	115,05	123,18	119,04

Qua bảng 01 ta thấy số hộ trồng ổi giai đoạn 2020 - 2022 ngày càng tăng. Năm 2020 số hộ trồng ổi trên địa bàn thành phố là 355 hộ, đến năm 2022 số hộ trồng ổi trên địa bàn tăng lên 378 hộ. Với tốc độ tăng hộ trồng theo xu hướng tăng chậm là do hiện nay chủ yếu là những hộ có kinh nghiệm lâu năm trồng, còn các hộ trẻ thường bị thu hút bởi những công việc có tính ổn định bền vững cao hơn như làm công nhân (chủ yếu là công nhân may, công nhân các khu công nghiệp), nhân viên,... Tuy nhiên do giá trị sản xuất ổi ngày càng cao hơn so với những cây khác hoặc công việc họ đang làm lên họ chuyển đổi cây trồng hoặc về làm nông nghiệp.

Trong những năm gần đây, theo thống kê của thành phố Thái Nguyên thì mặc dù số hộ trồng ổi có xu hướng tăng chậm nhưng diện tích trồng ổi tăng đều và cao. Do diện tích ổi kết thúc chu kỳ sản xuất lớn nên được người dân trồng bổ sung giống mới và có nhiều hộ trồng mới, chuyển đổi từ diện tích cây lâu năm và cây trồng cũ không

Cây ổi là giống cây trồng đem lại nhiều lợi ích kinh tế và giá trị của cây ổi ngày càng được khẳng định. Sản phẩm chính từ cây ổi chủ yếu là quả ổi, quả ổi được sử dụng nhiều trong ăn tươi, làm nước ép hoa quả, hương liệu hoa quả. Ngoài ra còn có bán cây ổi giống, tuy nhiên việc này chỉ phát triển mạnh theo chu kỳ sản xuất nhất định. Vậy nên ngày càng có nhiều hộ đã và đang chuyển sang trồng ổi.

Hiện nay trên một số diện tích đất nông nghiệp không có hiệu quả người dân đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng cây ổi để đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Số lượng các hộ trồng ổi của thành phố Thái Nguyên được thể hiện qua bảng 02.

Nguồn: Phòng Kinh tế thành phố Thái Nguyên, 2022

năng suất sang trồng ổi. Và việc nhận thức được giá trị sản xuất ổi của người nông dân và sự khuyến khích, quan tâm của chính quyền địa phương. Riêng năm 2022 do việc áp dụng thử nghiệm thành công mô hình VietGAP đã giúp việc tăng giá thành của quả ổi từ đó thu hút nhiều người trồng và mở rộng diện tích hơn. Chính vì vậy mà diện tích sản xuất ổi tăng năm 2022 tăng mạnh hơn so năm 2021 là 2,65%.

Cùng với nhịp độ tăng diện tích đất trồng ổi, là sự tăng về sản lượng ổi và giá trị sản lượng ổi/ha, tuy nhiên thì tốc độ tăng về sản lượng và giá trị sản lượng sản xuất ổi tăng vọt theo năm. Năm 2022 so năm 2021 sản lượng tăng cao nhất 9,49%, đi cùng với nó là giá trị sản lượng cũng tăng theo 23,18%. Trong khi đó năm 2021 so năm 2020 có tốc độ tăng sản lượng là 2,47% và tốc độ tăng giá trị sản lượng ổi là 15,05%. Do từ năm 2021 chủ yếu các hộ chuyển đổi giống cây ổi mới cho năng suất cao hơn và chất lượng tốt hơn lên được giá, vì vậy tốc độ sản lượng tăng dần theo các năm

nhưng tốc độ tăng giá trị sản lượng mạnh hơn và không giảm, từ đó cây ổi dần được khẳng định địa vị của mình trong khu vực và trong nước.

Mặc dù thành phố Thái Nguyên có điều kiện tự nhiên thuận lợi nhưng vẫn chỉ dừng lại ở việc trồng đại trà, sản phẩm chủ yếu là thu tại vườn, chưa có điểm nhân và chưa có thương hiệu nên thường bị các giống ổi của khu vực khác lấn át xâm chiếm thị trường. Cộng thêm việc giá còn phụ thuộc vào các nhà bán buôn, thương lái nhỏ lẻ nên giá của sản phẩm ổi còn bấp bênh, thị trường tiêu thụ còn hạn chế và đặc biệt chất lượng quả ổi còn chưa tốt.

3.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế các hộ trồng ổi của thành phố Thái Nguyên

3.2.1. Đặc điểm của các hộ điều tra

Qua điều tra 140 hộ gia đình trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, tác giả đã thu thập được những thông tin cơ bản của các chủ hộ và hộ được điều tra, kết quả thể hiện qua bảng 03. Trong 140 hộ được phỏng vấn, độ tuổi trung bình của hộ đều có tuổi đời khá cao trung bình 51 tuổi, đây cũng là độ tuổi được đánh giá có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh. Với tuổi trung bình của ba nhóm hộ không có sự khác biệt nhiều.

Bảng 03: Thông tin chung của chủ hộ được điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Phân ra							
		Tính chung		Quy mô nhỏ (n=28)		Quy mô trung bình (n=76)		Quy mô lớn (n=36)	
		Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)	Số lượng	Cơ cấu (%)
Tổng số hộ	Hộ	140	100	28	20	76	54,29	36	25,71
Tuổi TB	Tuổi	51	-	52	-	50	-	53	-
Trình độ học vấn									
- Cấp 1	Người	6	4,29	0	0	4	5,26	2	5,56
- Cấp 2	Người	100	71,43	24	85,71	54	71,05	22	61,11
- Cấp 3	Người	32	22,86	2	7,14	18	23,68	12	33,33
- Cao đẳng, Đại học	Người	2	1,43	2	7,14	0	0	0	0
Lao động									
- Nhân khẩu/hộ	Khẩu	3,8	-	3,6	-	3,8	-	4	-
- Lao động chính/hộ	Người	2,1	-	1,9	-	2,2	-	2,2	-
Diện tích trồng ổi	Sào	11,6	-	5,7	-	9,2	-	21,3	-
- Diện tích trồng lớn nhất	Sào	50	-	7,3	-	8	-	14	-
- Diện tích trồng nhỏ nhất	Sào	2,5	-	2,5	-	13	-	50	-

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra của tác giả, 2023

Các chủ hộ được đa số là nam giới, như vậy có thể thấy được việc ra quyết định trồng ổi chủ yếu là do nam giới.

Về trình độ học vấn của chủ hộ chủ yếu có trình độ dưới đại học và cao đẳng, hầu hết các

chủ hộ là học hết cấp 2 và cấp 3 và ở nhà sản xuất nông nghiệp. Các hộ có trình độ đại học chiếm tỷ lệ nhỏ chủ yếu là các hộ có quy mô sản xuất nhỏ. Trình độ học vấn của chủ hộ còn hạn chế rất nhiều, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu

quả kinh tế sản xuất của hộ. Vì hầu hết các hộ điều tra đều là sản xuất tự phát, tự nghiên cứu rút ra kinh nghiệm từ sản xuất.

Số nhân khẩu trung bình mỗi hộ là 3,8 nhân khẩu. Nhóm hộ có quy mô lớn có số nhân khẩu bình quân cao hơn nhóm hộ có quy mô trung bình 1,05 lần và cao hơn nhóm hộ có quy mô nhỏ 1,11 lần. Vì số nhân khẩu nhóm hộ có quy mô lớn cao hơn so với nhóm hộ khác nên xu hướng số lao động của hộ khá nhiều hơn các hộ khác, điều này cũng là thuận lợi hơn trong việc quyết định mức đầu tư chăm sóc vào quá trình sản xuất của hộ.

Diện tích đất bình quân của hộ là rất lớn, bình quân tổng diện tích đất của mỗi hộ có 11,6 sào, do các hộ điều tra chủ yếu là trồng ổi nên toàn bộ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đều quy về diện tích trồng ổi.

3.2.2. Tình hình đầu tư chi phí trồng ổi của hộ

Cây ổi là loài cây có đặc điểm đặc biệt, diện tích sản xuất được trồng một lần nhưng được thu hoạch trong nhiều năm, vì vậy việc bố trí chăm sóc để đảm bảo cây phát triển tốt và cho sản lượng cao là một vấn đề rất quan trọng đối với hộ gia

đình trồng ổi, điều này cũng còn phụ thuộc vào diện tích và điều kiện kinh tế của mỗi hộ.

Đối với cây ổi, 2 năm đầu là giai đoạn kiến thiết cơ bản, từ năm thứ 3 diện tích trồng ổi bắt đầu cho cây thu hoạch đều và ổn định. Trong 2 năm đầu là giai đoạn rất quan trọng cần rất nhiều chi phí cho chăm sóc. Giai đoạn từ năm thứ 3 trở đi chi phí sản xuất ổi có sự khác biệt lớn do cây đã ổn định. Vì vậy trước khi tính tổng chi phí tối thực hiện tính toán riêng chi phí sản xuất của từng năm của 2 năm đầu và chi phí cả giai đoạn thu hoạch ổn định.

Chi phí sản xuất ổi ở năm thứ nhất

Từ bảng 03 cho thấy bình quân tổng chi phí bình quân của hộ trên 1 sào bắc bộ cho năm thứ nhất là 7,38 triệu đồng, các hộ có điều kiện kinh tế và diện tích khác nhau cũng có chi phí khác nhau cho năm trồng. Nhóm hộ có quy mô nhỏ có tổng chi phí năm thứ nhất nhỏ hơn gấp 1,07 lần so với nhóm hộ có quy mô trung bình, nhóm hộ có quy mô trung bình lớn có tổng chi phí gấp 1,06 lần so với nhóm hộ có quy mô lớn. Do nhóm hộ quy mô trung bình đầu tư nhiều cho dụng cụ lao động và công lao động nhiều hơn các nhóm hộ khác.

Bảng 04: Chi phí trồng ổi bình quân của hộ giai đoạn kiến thiết cơ bản (năm thứ nhất)
(Tính bình quân cho 1 sào bắc bộ) - ĐVT: triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Theo quy mô sản xuất		
		Nhỏ (n=28)	Trung bình (n=76)	Lớn (n=36)
I	Chi phí trung gian (=1+2+3+4+5)	1,58	1,41	1,34
1	Giống	0,94	0,84	0,84
2	Phân bón hóa học	0,29	0,33	0,38
3	Phân chuồng	0,01	0,02	0,02
4	Thuốc BVTV	0,27	0,17	0,07
5	Túi bọc	0,07	0,05	0,03
II	Chi phí khấu hao	-	-	-
III	Chi phí lao động	2,61	3,05	2,99
IV	Chi phí khác			
	Vận chuyển	0,08	0,19	0,11
	Tổng chi phí (=I+II+III+IV)	4,27	4,65	4,44

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra của tác giả, 2023

Về chi phí giống: từ bảng dưới cho thấy chi phí giống của nhóm hộ quy mô nhỏ cao gấp 1,14 lần so với nhóm hộ có quy mô trung bình, nhóm hộ có quy mô trung bình chỉ hơn gấp 1,05 lần so với nhóm hộ có quy mô lớn. Các hộ năm đầu tiên chủ yếu mua ở trại giống địa phương, cây giống 100% là chiết cành, với giá cả đại trà chung. Nên tùy vào lượng vốn và định hướng phát triển vườn ổi của mình mà hộ phát triển với mật độ trồng khác nhau dẫn đến chi phí cho trồng giống chính khác nhau. Thường nhóm hộ có quy mô nhỏ thường có xu hướng phát triển sản lượng ổi quả theo cây.

Tuy nhiên việc cây có phát triển hay không còn tùy thuộc vào kỹ thuật chăm sóc của từng hộ. Năm thứ nhất chi phí trồng dặm của nhóm hộ có quy mô lớn cao gấp 1,2 lần so với nhóm hộ có quy mô trung bình và chi phí nhóm hộ có quy mô trung bình cũng cao gấp 1,25 lần so với nhóm hộ có quy mô nhỏ. Nguyên nhân chủ yếu là do nhóm hộ có quy mô lớn tuy có mật độ cây thấp hơn nhóm hộ khác nhưng do tổng diện tích trồng của hộ nhiều hơn rất nhiều mà chủ yếu do gia đình chăm sóc cho nên không chú ý hoặc không kịp thời gian chăm sóc đúng chu kỳ dẫn đến tỉ lệ cây chết nhiều hơn. Còn chi phí trồng dặm của nhóm hộ có quy mô trung bình cao là do các hộ này tuy chủ yếu sản xuất ổi là chính nhưng họ thường kết hợp đi làm thuê cho các hộ khác hoặc làm việc khác không quan tâm nhiều đến chăm sóc vườn ổi của mình, họ cho rằng thời kì này cây đang phát triển mà cho đậu ít quả sẽ tốt cho cây hơn vì vậy không phải chăm sóc nhiều.

Về phân bón

- Phân chuồng và phân NPK: Phân chuồng một mặt cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng về tính chất gần giống phân NPK, mặt khác (còn quan trọng hơn nhiều) cải thiện tính vật lý của đất, làm cho đất tơi xốp, thông thoáng, giữ ẩm tốt, nhờ vậy cây hấp thụ dinh dưỡng trong đất thuận lợi. Phân NPK có vai trò quan trọng đối với việc hình thành bộ rễ, thúc đẩy nhanh quá trình đẻ nhánh, nảy chồi và cần thiết cho sự sinh trưởng và phát triển thân lá, giúp tăng tính chịu lạnh của cây trồng (thường cây được trồng vào tháng 12 âm lịch), thúc đẩy sự phát triển của bộ rễ bằng việc tăng cường quá trình tổng hợp nên

nhiều hợp chất hữu cơ quan trọng, ngoài ra nó còn giúp cây quang hợp tốt hơn, thúc đẩy hình thành lignin, xellulo làm cây cứng cáp, chống chịu tốt hơn với sâu bệnh hại. Chính vì vậy mà mức bón phân chuồng cao hơn phân NPK của năm đầu và cao hơn mọi mức bón của phân bón phụ khác. Tuy nhiên thì chi phí bón phân chuồng lại nhỏ hơn chi phí phân NPK do giá thành của 2 loại phân này khác nhau. Không những vậy, do điều kiện sản xuất của các nhóm hộ mà chi phí đầu tư cho phân chuồng của các nhóm hộ có quy mô lớn và trung bình xấp xỉ nhau và cao gấp 2 lần so với nhóm hộ có quy mô nhỏ.

- Đạm: Thúc đẩy cây ra nhiều nhánh, nảy chồi mới cần thiết cho sự sinh trưởng và phát triển lâu dài của thân và lá. Tuy nhiên thì lượng đạm tùy thuộc vào điều kiện của từng hộ mà có mức bón khác nhau. Ở nhóm hộ có quy mô lớn thì chi phí đạm cao gấp hơn 2 lần so với nhóm hộ có quy mô nhỏ, với nhóm hộ có quy mô trung bình lại có mức bón đạm xấp xỉ gần bằng nhóm hộ có quy mô lớn.

Lao động thuê: Ở năm thứ nhất các hộ chủ yếu thuê kiến thiết vườn (phân luồng hoặc hút bùn nâng cao ruộng trũng hoặc cả hai) riêng đối với hộ giàu, do có nhiều ruộng hơn nhưng không đủ người chăm sóc họ thường muốn thêm nhưng chi phí rất ít chủ yếu là thuê tưới phân. Nhìn vào bảng trên ta thấy chi phí thuê lao động của nhóm hộ có quy mô lớn cao hơn nhóm hộ có quy mô trung bình là 1,66 lần, tỉ lệ này so giữa nhóm hộ có quy mô trung bình với nhóm hộ có quy mô nhỏ gấp 1,95 lần. Do nhóm hộ có quy mô nhỏ thường họ thuê ít hoặc thuê chính người thân của họ nên chi phí kiến thiết vườn ít hơn rất nhiều so với các nhóm hộ khác. Nhưng theo bảng ta thấy đi ngược lại mức lao động gia đình thấp là mức chi phí thuê lao động tăng. Diễn hình là của nhóm hộ trung bình cao hơn gấp 1,1 lần so với nhóm hộ có quy mô nhỏ và gấp 1,26 lần so với nhóm hộ có quy mô lớn. Nguyên nhân một phần do hộ giàu ngoài việc thuê công lập vườn họ còn thuê thêm người làm ở một số công đoạn chăm sóc, một phần do công việc đòi hỏi nhiều thời gian nhất là bọc ổi thì họ chưa sử dụng lao động thuê vì năm đầu tiên họ muốn cây phát triển nhiều hơn so với thu hoạch để lấy lại vốn như của các nhóm hộ khác.

Về chi phí khác: Do các hộ sử dụng một số nguồn đầu ra khác nhau nhưng giá bán đại trà và các hộ có diện tích dưới 13 sào có xu hướng liên kết với nhau trong việc mua vật liệu đầu ra nên thường chi phí vận chuyển từ nơi kinh doanh đến nhà không tính. Của nhóm hộ quy mô lớn thường có xu hướng tập trung ruộng của mình lại để dễ chăm sóc, trông coi và xây dựng mô hình trang trại, gần nhà nên ít đi lại vận chuyển, chi phí vận chuyển chủ yếu là vận chuyển đồ. Riêng nhóm hộ quy mô trung bình đất có mức chi phí vận chuyển cao nhất, cao gấp gần 2,38 lần so với nhóm hộ quy mô nhỏ và cao hơn 1,73 lần so nhóm hộ quy mô lớn là do những hộ này chủ yếu là trồng ổi, ruộng phân tán nhiều thôn nên chi phí đi lại vận chuyển đồ nhiều hơn. Còn nhóm hộ quy mô nhỏ do họ thường chỉ có từ 1-2 vườn.

Về chi phí bọc: Do đặc tính của giống ổi nên năm đầu tiên trồng chỉ từ 6-7 tháng là các hộ bắt đầu cho cây thu hoạch, nhưng do định hướng của các hộ khác nhau lên lượng quả để lại cũng khác nhau. Ở nhóm hộ có diện tích trên 13 sào họ có xu hướng bỏ năm đầu, còn các nhóm hộ khác có xu hướng muốn lấy lại vốn đầu tư nhanh lên chi phí túi bọc quả của nhóm hộ quy mô nhỏ cao gấp 1,4 lần so với nhóm hộ quy mô trung bình và tỉ lệ này so nhóm hộ trung bình với hộ có quy mô lớn cao gấp hơn 2,3 lần.

Thuốc bảo vệ thực vật: thuốc bảo vệ thực vật của nhóm hộ quy mô lớn cao gấp 1,44 lần so với nhóm hộ có diện tích quy mô trung bình và nhóm hộ quy mô trung bình cao gấp 1,14 lần so với hộ

quy mô nhỏ. Nguyên nhân bởi vì nhóm hộ quy mô lớn có diện tích lớn, mật độ trồng thưa hơn so với nhóm hộ khác dẫn đến cần phun nhiều thuốc cỏ hơn mặc dù đã trồng xen canh, không những vậy nhóm hộ từ 12 sào trở nên còn dùng thuốc kích thích phát triển rễ cây, và một số loại thuốc phòng nấm do việc sử dụng nhiều phân chuồng hơn nhóm hộ quy mô nhỏ.

Chi phí trồng ổi ở năm thứ hai

Theo điều kiện kinh tế hộ, năm thứ 2 tuy cây đã phát triển hơn, rễ bắt đầu lan rộng, cây ra tán rộng hơn, người dân bắt đầu chú trọng đến sản xuất. Tổng chi phí bình quân chung cho 1 sào bắc bộ trên 1 hộ là 2,9 triệu đồng nhỏ hơn rất nhiều so năm thứ nhất. Do năm thứ nhất cần thuê người lập vườn, còn năm thứ 2 thì chỉ chăm sóc là chính.

Tuy nhiên thì việc cây chết vẫn xảy ra ở năm thứ 2 và tỉ lệ cây chết tăng hơn năm thứ nhất cộng thêm chi phí tăng do tiền mất giá nên chi phí giống cao hơn so năm thứ nhất. Chi phí giống của nhóm hộ quy mô lớn cao gấp 1,29 lần chi phí giống của nhóm hộ quy mô trung bình, và cao hơn so nhóm hộ quy mô nhỏ cũng cao 1,5 lần. Tuy rễ đã tốt nhưng là năm đầu tiên cây bắt đầu cho ra quả rõ suốt cả một năm lên nhiều cây không đủ sức bị bệnh hoặc do không thích nghi với việc tưới phân đậm cao nên cây chết. Vấn đề này xảy ra ở hầu hết các nhóm hộ. Tuy nhiên, vẫn là do yếu tố giống và kĩ thuật chăm sóc của nhóm hộ có quy mô lớn áp dụng chung cho các loại giống và đất trồng khiến cho cây bị chết nhiều hơn.

Bảng 05: Chi phí trồng ổi bình quân của hộ giai đoạn kiến thiết cơ bản (năm thứ hai)
(Tính bình quân cho 1 sào bắc bộ) - ĐVT: Triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Theo quy mô sản xuất		
		Nhỏ (n=28)	Trung bình (n=76)	Lớn (n=36)
I	Chi phí trung gian (=1+2+3+4+5)	0,73	0,78	0,92
1	Giống	0,06	0,07	0,09
2	Phân bón hóa học	0,4	0,42	0,48
3	Phân chuồng	0,01	0,02	0,02
4	Thuốc BVTV	0,15	0,17	0,26
5	Túi bọc	0,11	0,10	0,07
II	Chi phí khấu hao	-	-	-
III	Chi phí lao động	1,95	2,14	1,32
IV	Chi phí khác (vận chuyển)	0,15	0,29	0,15
	Tổng chi phí (=I+II+III+IV)	2,83	3,21	2,39

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra của tác giả, 2023

Về phân bón: do năm 2 cây phát triển mạnh hơn, cây thích nghi tốt hơn, nên lượng phân bón cũng khác với năm đầu.

- Phân chuồng: Tuy lượng phân chuồng tăng nhưng tăng ít do vậy giá trị trung bình mức đầu tư không gần giống năm 1, trung bình chung mỗi hộ đầu tư hơn 0,02 triệu trên một sào bắc bộ.

- Phân hóa học: Ở giai đoạn này cây cần nhiều loại phân hóa học để gia tăng tỉ lệ đậu hoa, quả và giúp cây phát tán tốt hơn, chính vì vậy lượng phân hóa học tăng lên với số khối lượng cao hơn. Nhưng nổi bật nhất là nhóm hộ quy mô nhỏ, tỉ lệ phân hóa học tăng gần gấp rưỡi so với năm thứ nhất, không những vậy chi phí phân hóa học trên một sào bắc bộ của nhóm hộ xấp xỉ nhóm hộ quy mô trung bình, tuy nhiên thì vẫn kém so với nhóm hộ quy mô lớn 1,2 lần. Do nhóm hộ này muốn cây vừa phát triển vừa cho đậu nhiều quả hơn để lấy bù chi phí bỏ ra khi lập vườn ở năm 1. Còn ở các nhóm hộ khác cũng tăng nhưng tăng không mạnh. Cụ thể, đối với nhóm hộ có quy mô lớn thì họ muốn cây phát triển mạnh hơn nhất là muốn bộ rễ của cây phát triển tốt hơn chính vì vậy mà tuổi cây các hộ này thường cao hơn nhóm hộ khác khoảng 1-2 năm, từ đó kéo dài thời gian thu hoạch cũng như trồng lại.

Về thuốc bảo vệ thực vật: của các hộ cũng tăng do năm này cây phát triển hơn nên chi phí cao hơn. Chi phí nhóm hộ quy mô lớn cao gấp 1,53 lần so với nhóm hộ quy mô trung bình, do trong năm này các hộ có quy mô lớn ngoài thuốc trừ sâu bệnh còn sử dụng thuốc tăng khả năng ra rễ cho cây. Qua số liệu cho thấy, chi phí của nhóm hộ quy mô nhỏ và nhóm hộ quy mô trung bình xấp xỉ nhau, còn nhóm hộ quy mô lớn chi phí thuốc BVTV của họ nhiều hơn.

Về chi phí vận chuyển: của các hộ tăng, hộ quy mô trung bình cao hơn so hộ có quy mô lớn và hộ quy mô nhỏ gấp gần 2 lần, còn nhóm hộ quy mô lớn trên 13 sào có chi phí vận chuyển bằng với nhóm hộ quy mô nhỏ, do cần vận chuyển đi lại nhiều hơn so với năm thứ nhất. Và nhóm hộ có quy mô trung bình có nhiều ruộng lẻ, nhiều đồ cần vận chuyển hơn nên chi phí cũng cao hơn. Mặt khác thì nhóm hộ có quy mô trung bình có xu hướng dự trữ phân bón thấp hơn lượng cần dùng

nên họ thường phải đi mua lẻ tại các cửa hàng bán lẻ lên mất chi phí vận chuyển.

Về chi phí túi bọc: của nhóm hộ quy mô nhỏ và quy mô trung bình ngang nhau, nhưng chi phí của nhóm hộ quy mô lớn vẫn thấp hơn so nhóm hộ quy mô trung bình gấp 1,43 lần, do nhóm hộ có quy mô lớn mặc dù để ra hoa đậu quả nhiều hơn nhưng vẫn hạn chế sản lượng quả trên cây.

Về chi phí thuê lao động: ở năm thứ 2 chỉ có nhóm hộ quy mô lớn thuê người lao động do diện tích gieo trồng lớn, ít lao động gia đình lên các hộ thường thuê người tưới phân bón và cắt tia bấm ngọn. Bình quân 90 nghìn trên sào bắc bộ.

Chi phí trồng ổi năm kinh doanh

Cây đã cao lớn, tăng trưởng ổn định, các hộ sản xuất tự tạo giống cây trồng chính trên cây của nhà vì vậy họ không mất chi phí giống cây trồng dặm mặc dù cây vẫn có thể chết. Từ bảng 3.5 ta thấy, tuy cùng một loại phân bón nhưng các hộ đều tăng dần lượng đầu tư phân bón cho quả và lượng túi bọc cũng nhiều hơn gấp đôi thậm chí gấp gần 4 lần so với lượng túi giai đoạn kiến thiết kiến thiết, bởi thời kì này, cây ổi được sử dụng hết công suất để tạo quả, chính vì vậy lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cao và xấp xỉ nhau ở những mức điều kiện hộ khác nhau.

Tuy nhiên vẫn có sự sai khác giữa các nhóm hộ như: lượng phân chuồng của nhóm hộ quy mô lớn vẫn không thay đổi mấy trong khi lượng phân chuồng của các nhóm hộ khác lại tăng cao hơn, bởi vì trong giai đoạn này nhóm hộ này chủ yếu tăng năng suất và hạn chế sự phát triển của cây, muốn cây cho nhiều nhánh để tăng lượng hoa, thường họ cắm ngọn cây. Điều đó cũng giải thích cho việc lượng túi bọc của nhóm hộ quy mô lớn cao gấp 1,22 lần so với nhóm hộ khác.

Chi phí thuê lao động vẫn chủ yếu chỉ có nhóm hộ quy mô lớn thuê lao động, mức thuê tăng gấp hơn 2,9 lần năm kiến thiết thứ 2 bởi vì năm sản xuất ổn định thì số lần tưới phân bón cao hơn rất nhiều và đặc biệt cần phải thuê thêm người bọc ổi để bọc kịp thời. Do đối với mọi nhóm hộ thì quan niệm càng chăm nhiều thì cây càng có tỉ lệ đậu quả cao, quả to bóng và ngọt hơn dẫn đến mức giá bán tăng lên.

Bảng 6: Chi phí trồng ổi bình quân của hộ giai đoạn sản xuất kinh doanh
(Tính bình quân cho 1 sào bắc bộ) - ĐVT: triệu đồng

TT	Khoản mục chi phí	Theo quy mô sản xuất		
		Nhỏ (n=28)	Trung bình (n=76)	Lớn (n=36)
I	Chi phí trung gian (=1+2+3+4+5)	2,15	2,20	2,30
1	Giống	0,00	0,00	0,00
2	Phân bón hóa học	1,65	1,73	1,82
3	Phân chuồng	0,02	0,03	0,02
4	Thuốc BVTV	0,27	0,22	0,19
5	Túi bọc	0,21	0,22	0,27
II	Chi phí khấu hao	-	-	-
III	Chi phí lao động	5,34	5,86	6,27
IV	Chi phí khác (Vận chuyển)	0,38	0,39	0,19
	Tổng chi phí (=I+II+III+IV)	7,87	8,45	8,76

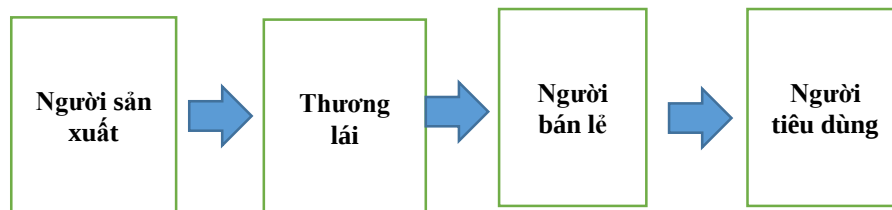
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2023

Tình hình tiêu thụ sản phẩm quả ổi của các hộ điều tra

Ta thấy chi phí chủ yếu trong sản xuất là chi phí lao động gia đình bỏ ra và chi phí cho phân bón hóa học. Trong đó, chi phí cho lao động gia đình cao nhất chiếm gần 53,82 % chi phí; tiếp đến chi phí cho phân bón hóa học chiếm 13,97% tổng chi phí, do chuyên dùng cho sản xuất, phát triển cây trồng, từ bảng ta thấy tuy sản lượng phân chuồng đầu tư trên một sào của một hộ lớn hơn cả sản lượng đầu tư đậm nhưng giá trị chi phí đầu tư cao hơn gấp 2 lần nguyên nhân là do giá của 1 bao phân chuồng chỉ từ 15 - 17 nghìn đồng/bao (1 bao có trọng lượng khoảng 15 killogam), rẻ hơn rất nhiều so với giá của một killogam đạm. Từ đó cho thấy người dân biết bảo đất trồng hơn và họ luôn muốn giảm thiểu chi phí sản xuất, tạo phát triển lâu dài hơn.

Công tác sơ chế, bảo quản sản phẩm không có, chủ yếu là thu xong bán tươi ngay cho thương lái theo một giá, không phân loại sản phẩm, sản phẩm được định giá chung một giá khi tiêu thụ nên giá cả còn thấp, giá cả bán ổi cũng phụ thuộc rất lớn vào mùa vụ thu hoạch, thị trường và việc thu mua của thương lái. Sản xuất ổi có hai vụ thu hoạch chính là vụ xuân - hè và vụ thu đông, thường vào vụ thu - đông giá bán quả ổi sẽ có giá cao hơn do áp tết, nhiều lễ hội nên việc tiêu thụ dễ dàng hơn, thương lái ít mặc cả. Sản phẩm cũng có bán lẻ trực tiếp cho người tiêu dùng nhưng số lượng ít không đáng kể.

Các kênh tiêu thụ như sau:



Hình 01. Sơ đồ kênh tiêu thụ

Điều tra thực tế cho thấy, hộ trồng ổi tại thành phố Thái Nguyên 100% bán sản phẩm trực tiếp cho các thương lái thu gom, đây là hình thức tiêu thụ của các hộ trồng ổi từ trước đến nay. Khi bắt đầu vào vụ các thương lái và lái buôn sẽ đến tận nhà đặt vấn đề với các hộ và người thu gom sẽ đưa

ra giá thu mua. Thường thì người nông dân là người chấp nhận giá, người thu gom mua giá thế nào thì người nông dân sẽ bán như vậy. Nguyên nhân do giá cả người thu gom đưa ra là giá chung cho tất cả các hộ trên địa bàn và tại thành phố Thái Nguyên. Từ nguyên nhân trên mà người sản xuất

ôi không có nhiều cơ hội để trao đổi được giá cao hơn giá mà người thu gom đưa ra. Có một số hộ thường đặt vấn đề trước khi vụ vào mùa, khi đó thương lái chỉ cần đến ngày hẹn là đến thu mua không cần bàn giá cả. Tuy vậy, vì người thu gom tự tìm đến người sản xuất nên người nông dân sản xuất ổi không phải lo lắng về vấn đề đầu ra, nơi tiêu thụ và hình thức vận chuyển như thế nào, nhưng về giá cả thì người nông dân là người bán sản phẩm nhưng không chủ động được giá sản phẩm mình bán ra.

3.2.3. Kết quả sản xuất các hộ trồng ổi

Do giá bán ổi đại trà, không có sự phân loại ổi nên giá trị trồng ổi cũng có mức tương tự sản

lượng ổi nên tôi chỉ phân tích theo hướng sản lượng và chi phí trung gian. Cây ổi là cây trồng một lần nhưng cho thu hoạch được từ 5-7 năm. Xu hướng thu hoạch của 2 năm đầu và năm sản xuất ổn định khác nhau rất xa. Ở giai đoạn đầu phát triển sản xuất ổn định từ năm 3 trở đi, các hộ ở giai đoạn này khai thác triệt để khả năng của cây chính vì vậy mà nhóm hộ quy mô lớn có sản lượng đạt ngưỡng cao nhất 1,37 tấn/sào, trong đó nhóm hộ quy mô trung bình lại chỉ ở mức trung bình khoảng 0,77 tấn/sào, nhóm hộ có quy mô sản xuất nhỏ đạt sản lượng 0,51 tấn/sào.

Bảng 7: Kết quả trồng ổi của hộ giai đoạn sản xuất kinh doanh theo quy mô sản xuất

Tiêu chí	ĐVT	Quy mô nhỏ (n=28)	Quy mô TB (n=76)	Quy mô lớn (n=36)
Sản lượng	Tấn/sào	0,51	0,77	1,37
Giá bán bình quân	Ngàn đồng/kg	25	25	25
Giá trị sản xuất (GO)	Triệu/sào	12,75	19,25	34,25

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2023

Đối với các hộ nông dân, đặc biệt là các hộ thuần nông, chi phí lao động trong sản xuất chủ yếu được tận dụng bằng lao động gia đình, chỉ đi thuê lao động ở những công việc có khối công việc lớn và cần nhiều công lao động. Họ thường có quan niệm cho rằng việc tổ chức sản xuất ở đây chủ yếu là lấy công làm lãi.

3.2.4. Hiệu quả kinh tế hộ trồng ổi

Đánh giá hiệu quả kinh tế hộ trồng ổi, để đảm bảo vừa có ý nghĩa về mặt kinh tế vừa nói lên được tính phù hợp trong việc định hướng sản xuất của hộ nông dân được thể hiện tại bảng 8

Bảng 8: Đánh giá hiệu quả kinh tế của trồng ổi của hộ theo quy mô

Đơn vị tính: 1 sào bắc bộ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quy mô nhỏ (n=28)	Quy mô trung bình (n=76)	Quy mô lớn (n=36)
I	Kết quả sản xuất				
1	Giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng	12,75	19,25	34,25
2	Chi phí trung gian (IC)	Triệu đồng	2,15	2,20	2,30
3	Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng	4,88	10,80	25,49
4	Chi phí lao động	Triệu đồng	5,34	5,86	6,27
5	Thu nhập hỗn hợp (MI)	Triệu đồng	-0,53	4,80	19,14
II	Một số chỉ tiêu hiệu quả kinh tế				
1	GO/IC	Lần	1,62	2,28	3,91
2	VA/IC	Lần	0,62	1,28	2,91
3	MI/IC	Lần	-0,07	0,57	2,18
4	GO/Lđ	Lần	2,39	3,28	5,46
5	VA/Lđ	Lần	0,91	1,84	4,07
6	MI/Lđ	Lần	-0,10	0,82	3,05

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2023

Theo bảng 07 ta thấy quy mô diện tích quy mô lớn đem lại hiệu quả cao và bền vững nhất cao về đồng vốn cũng như hiệu quả sử dụng lao động. Do các hộ có quy mô lớn thì có điều kiện hơn và họ chuyên tâm sản xuất hơn các hộ khác. Mặt khác, họ có chiến lược kỹ thuật chăm sóc khác xa so với các nhóm hộ khác. Chính vì vậy cứ 1 đồng chi phí trung gian nhóm hộ này thu về được 3,91 đồng giá trị sản xuất, cao hơn so với hộ có quy mô trung bình là 2,28 lần, nhưng có quy mô nhỏ chỉ được 1,62 lần.

Nguyên nhân hộ có quy mô lớn về ôi có hiệu quả kinh tế hơn hộ khác là do nhóm hộ này có diện tích lớn có điều kiện chăm sóc dài đều hơn các nhóm hộ có quy mô nhỏ, không những vậy nhóm hộ này có chi phí trung gian thấp nhất.

Còn với nhóm hộ có quy mô nhỏ có hiệu quả kinh tế thấp nhất so nhóm hộ khác bởi nhóm này chủ yếu là sản xuất nhỏ nên chi phí mất nhiều hơn. Thậm chí theo bảng 3.8 thu nhập hỗn hợp MI còn đem lại giá trị âm (-0,53 triệu đồng) có nghĩa là nếu như không tính công lao động gia đình thì hộ sản xuất nhỏ mới có lãi còn khi tính công lao động của cả gia đình thì các hộ quy mô nhỏ lại lấy công làm lãi.

Bảng 9: Hiệu quả kinh tế hộ trồng ôi phân theo mức độ tham gia tập huấn kỹ thuật của hộ

Đơn vị tính: 1 sào bắc bộ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ tham gia tập huấn (n =28)	Hộ không tham gia tập huấn (n = 112)
I	Kết quả sản xuất			
1	Giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng	22,96	21,38
2	Chi phí trung gian (IC)	Triệu đồng	2,18	2,25
3	Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng	15,67	14,20
4	Chi phí lao động	Triệu đồng	5,50	6,65
5	Thu nhập hỗn hợp (MI)	Triệu đồng	14,54	13,20
II	Hiệu quả kinh tế			
1	GO/IC	Lần	10,53	9,50
2	VA/IC	Lần	7,19	6,31
3	MI/IC	Lần	6,67	5,87
4	GO/Lđ	Lần	4,17	3,21
5	VA/Lđ	Lần	2,84	2,13
6	MI/Lđ	Lần	2,64	1,98

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2023

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế hộ trồng ôi

Hiệu quả kinh tế của các hộ nông dân chịu ảnh hưởng không chỉ của những yếu tố vật chất (các yếu tố đầu vào) mà còn chịu ảnh hưởng của rất nhiều các yếu tố khác như đất đai, địa hình, điều kiện khí hậu thủy văn, kinh tế - xã hội.

Việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của sản xuất ôi có ý nghĩa rất quan trọng trong chi phí đầu tư sản xuất của hộ. Thông qua xác định các yếu tố ảnh hưởng tới năng suất sẽ giúp các hộ biết được yếu tố đầu vào nào đã sử dụng có hiệu quả, yếu tố nào sử dụng chưa hợp lý để có kế hoạch điều chỉnh chi phí đầu tư cho tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh tế của trồng cây ôi.

3.3.1. Ảnh hưởng của trình độ kỹ thuật của hộ

Hàng năm các hộ trồng ôi được tham gia các lớp tập huấn khuyến nông. Thông qua các lớp tập huấn các hộ sẽ được hướng dẫn các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các cách chăm sóc cây ôi để có hiệu quả kinh tế tốt hơn. Do vậy so sánh hiệu quả kinh tế giữa các hộ được tập huấn và các hộ không được tập huấn được thể hiện qua bảng 9.

Từ tổng hợp kết quả điều tra, sự tham gia tập huấn khuyến nông được chúng tôi chia thành hai mức là tham gia và không tham gia. Trong tổng số hộ điều tra có 20% số hộ tham gia tập huấn và 80% số hộ không tham gia. Những nhóm hộ tham gia tập huấn có sự khác biệt về kết quả và hiệu quả kinh tế giữa hai nhóm hộ. Với nhóm hộ tham gia tập từ cán bộ khuyến nông có kết quả và hiệu quả kinh tế cao hơn nhóm hộ không tham gia, bình quân nhóm hộ tham gia tập huấn thu được 6,67 đồng thu nhập hỗn hợp trên một đồng chi phí trung gian, còn nhóm hộ không tham gia thu được thấp hơn 5,87 lần so với nhóm có tham gia. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế và cho phép chúng ta khẳng định rằng các kiến thức về khoa học là rất cần thiết đối với các hộ sản xuất.

Hiệu quả lao động trên của 2 nhóm hộ cũng có sự khác nhau. Điều này cho thấy khi được tập huấn các hộ đã biết sử dụng lao động hợp lý hơn. Nhiều hộ nhận xét: “tham gia lớp tập huấn nông nghiệp học được các kiến thức để phòng trừ sâu bệnh, kỹ thuật làm cho năng suất cây ổi được tăng lên”. Một số hộ làm theo mô hình Vietgap thử nghiệm: “nếu làm theo đúng hoàn toàn thì theo quy trình sản xuất thì giá bán ổi sẽ được tăng lên”.

Từ phân tích trên ta thấy, hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất của nhóm hộ tham gia tốt hơn nhóm hộ không tham gia. Tuy nhiên ngoài việc phổ biến kỹ thuật cho người dân thì các cán bộ khuyến nông nên hướng dẫn cho họ những cách phân bổ nguồn lực hợp lý hơn và cần khuyến khích họ để việc học phải đi đôi với việc làm để từ đó chất lượng quả ổi tốt hơn chứ không dừng ở việc đánh giá định tính, chung chung.

3.3.2. Ảnh hưởng của trình độ học vấn chuyên môn của chủ hộ

Thông qua điều tra 140 hộ thì có 106 hộ học hết cấp 3 và có 34 hộ có trình độ trên cấp 3. So sánh hiệu quả kinh tế của các hộ được thể hiện qua bảng 10.

Qua bảng 09 ta thấy GO/IC của các hộ học hết cấp 3 là 3,02 lần có nghĩa là 1 đồng chi phí thì tạo ra được 3,02 đồng giá trị sản xuất. Còn đối với các hộ học hết cấp 3 thì 1 đồng chi phí tạo ra được 3 đồng giá trị sản xuất. Các chỉ tiêu về VC/IC và MI/IC của hộ chưa học hết cấp 3 đều cao hơn các hộ học hết cấp 3. Tuy nhiên do có trình độ cao hơn các chỉ tiêu về GO/LĐ, VA/LĐ và MI/LĐ của hộ có trình độ trên cấp 3 lại cao hơn các hộ có trình độ chưa hết cấp 3.

Bảng 10: Hiệu quả kinh tế của hộ trồng ổi phân theo trình độ học vấn chuyên môn của chủ hộ
(Tính bình quân 1 sào bắc bộ)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo trình độ học vấn chuyên môn	
			THPT (n=106)	Từ trung cấp trở lên (n=34)
I	Kết quả sản xuất			
1	Giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng	12,67	22,36
2	Chi phí trung gian (IC)	Triệu đồng	2,15	2,85
3	Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng	8,48	14,90
4	Chi phí lao động	Triệu đồng	8,63	7,72
5	Thu nhập hỗn hợp (MI)	Triệu đồng	7,89	13,81
II	Một số chỉ tiêu hiệu quả kinh tế			
1	GO/IC	Lần	5,89	7,85
2	VA/IC	Lần	3,94	5,23
3	MI/IC	Lần	3,67	4,84
4	GO/LĐ	Lần	1,47	2,90
5	VA/LĐ	Lần	0,98	1,93
6	MI/LĐ	Lần	0,91	1,79

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2023

Điều này chứng tỏ trình độ học vấn của chủ hộ có ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất của cây ổi. Sở dĩ như vậy là vì trong quá trình sản xuất hiện nay, các chủ hộ có trình độ học vấn thấp sẽ khó tiếp cận được với khoa học kỹ thuật do vậy giá trị sản xuất thấp hơn, thu nhập hỗn hợp cũng thấp hơn so với các hộ có trình độ học vấn của chủ hộ cao hơn. Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất ổi của các hộ, các giải pháp cũng cần tập trung tới vấn đề nâng

cao trình độ, nhận thức, cũng như các hỗ trợ liên quan đến kỹ thuật cho các hộ, đặc biệt là các hộ có trình độ còn hạn chế.

3.3.3. Ảnh hưởng của độ tuổi của chủ hộ

Từ tổng hợp kết quả điều tra 140 hộ thì nhóm hộ có độ tuổi dưới 45 tuổi là 24 hộ, nhóm có tuổi từ 45-55 tuổi là 80 hộ và nhóm có độ tuổi trên 55 tuổi là 36 hộ. Kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất ổi theo tuổi chủ hộ được thể hiện ở bảng 11.

Bảng 11: Đánh giá hiệu quả kinh tế của hộ trồng ổi phân theo tuổi của chủ hộ

Đơn vị tính: 1 sào bắc bộ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo độ tuổi		
			Dưới 45 tuổi (n=24)	Từ 45-55 tuổi (n=80)	Trên 55 tuổi (n=36)
I	Kết quả sản xuất				
1	Giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng	21,79	21,66	21,85
2	Chi phí trung gian (IC)	Triệu đồng	2,21	2,55	2,17
3	Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng	14,49	14,28	15,02
5	Chi phí lao động	Triệu đồng	6,33	7,97	6,83
6	Thu nhập hỗn hợp (MI)	Triệu đồng	13,43	13,26	13,99
II	Một số chỉ tiêu hiệu quả kinh tế				
1	GO/IC	Lần	9,86	8,47	10,07
2	VA/IC	Lần	6,74	5,60	6,45
3	MI/IC	Lần	6,08	5,18	6,82
4	GO/Lđ	Lần	3,44	2,72	3,20
5	VA/Lđ	Lần	2,29	1,79	2,20
6	MI/Lđ	Lần	2,12	1,66	2,05

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2023

Từ bảng ta thấy số hộ được điều tra chủ yếu thuộc nhóm tuổi từ 45-55 tuổi nhóm này chiếm 57,14% tổng số hộ điều tra, nhóm hộ có tuổi dưới 45 tuổi chiếm 17,14% và nhóm trên 55 tuổi 25,72% trong tổng số hộ điều tra.

Nhóm hộ có độ tuổi trên 55 tuổi là nhóm có kết quả kinh tế tốt nhất và ổn định. Nhóm hộ này là nhóm có hiệu quả sản xuất cao nhất, có thu nhập hỗn hợp trên 1 đồng chi phí là 6,82 đồng/sào, cao hơn so với nhóm hộ dưới 45 tuổi 6,08 lần và cao hơn so nhóm hộ từ 45-55 tuổi là 5,18 lần. Do nhóm hộ trên 55 tuổi sử dụng chi phí sản xuất trung gian thấp nhất, thấp hơn so với mặt bằng chung 1.05 lần,

nhưng giá trị sản xuất lại cao hơn so nhóm hộ khác và so mặt bằng chung, chính vì vậy mà nhóm hộ có hiệu quả sản xuất cao nhất.

Về hiệu quả sử dụng lao động, nhóm hộ trên 55 tuổi sử dụng hiệu quả nhất, có thu nhập hỗn hợp trên một đồng lao động là 2,05 lần, cao nhất nhóm hộ dưới 45 tuổi là 2,12 lần, thấp nhất là nhóm hộ có độ tuổi từ 45-55 tuổi. Do 2 nhóm hộ này phân bổ ngày công lao động gia đình hợp lý và thường những nhóm hộ này có quy mô sản xuất lớn, do vốn tích lũy lâu đời với nhóm hộ trên 55 tuổi và do có sức khỏe nên mong muốn làm giàu lên không ngừng mở rộng đối với hộ dưới 45 tuổi

không những vậy nhóm hộ có độ tuổi dưới 45 tuổi họ còn làm thời vụ cho các công ty, xưởng sản xuất; còn nhóm hộ có độ tuổi trung bình hiện tại từ 45-55 tuổi thì họ không có mong muốn tăng, một phần sức khỏe không cho phép, một phần hầu như con cái họ trưởng thành lập nghiệp nên họ sản xuất chỉ để có nguồn thu nhập và có việc để làm.

Từ phần tính hiệu quả kinh tế theo tuổi của chủ hộ ở trên cho ta thấy, tuổi của chủ hộ cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả kinh tế của mỗi hộ gia đình. Chủ hộ có độ tuổi

càng cao hoặc thấp thì quá trình sản xuất kinh doanh sẽ đem lại kết quả và hiệu quả kinh tế cao hơn những chủ hộ có tuổi đời trung bình.

3.3.4. Ảnh hưởng của kinh nghiệm trồng ổi của hộ

Điều tra 140 hộ thì nhóm hộ có kinh nghiệm trồng dưới 5 năm là 6 hộ, nhóm hộ có kinh nghiệm từ 6-10 năm là 32 hộ và nhóm hộ có kinh nghiệm từ 11-15 năm là 102 hộ. Kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất ổi theo kinh nghiệm trồng được thể hiện ở bảng 12.

Bảng 12: Hiệu quả kinh tế hộ trồng ổi phân theo kinh nghiệm sản xuất
(Tính BQ cho 1 sào bắc bộ)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo kinh nghiệm		
			≥ 5 năm (n=6)	Từ 6-10 năm (n=32)	Từ 11-15 năm (n=102)
I	Kết quả sản xuất				
1	Giá trị sản xuất (GO)	Triệu đồng	19,98	21,92	21,74
2	Chi phí trung gian (IC)	Triệu đồng	2,16	2,19	2,45
3	Giá trị gia tăng (VA)	Triệu đồng	13,09	14,93	14,45
4	Chi phí lao động	Triệu đồng	8,22	6,50	6,68
5	Thu nhập hỗn hợp (MI)	Triệu đồng	12,41	13,92	13,39
II	Một số chỉ tiêu hiệu quả kinh tế				
1	GO/IC	Lần	9,25	10,01	8,87
2	VA/IC	Lần	6,06	6,82	5,90
3	MI/IC	Lần	5,75	6,35	5,47
4	GO/Lđ	Lần	2,43	3,37	3,25
5	VA/Lđ	Lần	1,59	2,30	2,16
6	MI/Lđ	Lần	1,51	2,14	2,00

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2023

Theo bảng 12 ta thấy nhìn chung nhóm hộ có kinh nghiệm dưới 5 năm và từ 11-15 năm có mức hiệu quả trồng gần như nhau, nhóm hộ có kinh nghiệm từ 6-10 năm thì có hiệu quả trồng cũng như hiệu quả lao động cao hơn so nhóm hộ khác. Bởi vì nhóm hộ có kinh nghiệm từ 6-10 năm phát triển trong thời kì mà huyện và chính quyền địa phương đang rất coi trọng việc phát triển vùng chuyển đổi cây ăn quả, chính vì vậy chi phí họ bỏ ra cũng ít hơn và chất lượng cây giống cũng được kiểm tra nghiêm hơn so với thời kì mới và thời kì bão hoà. Và nhóm hộ có kinh nghiệm từ 6-10 năm này có một lượng vốn khá do thu hoạch được từ vụ cây lâu năm nên đầu tư khá mạnh về diện tích cũng như sự cất công tìm

hiệu loại giống, kĩ thuật phù hợp nhất đối với nhóm đất trồng của nhà mình. Tuy nhiên thì việc này cũng chỉ là tự phát mà không có sự liên kết trong nghiên cứu, chính vì vậy mà họ có mức thu nhập hỗn hợp chỉ ở mức trung bình 0,93 đồng trên 1 đồng vốn, thấp hơn nhóm hộ có kinh nghiệm từ dưới 5 năm là 1,02 lần.

Theo chiều sâu thì nhóm hộ có kinh nghiệm từ 5 năm trở xuống có hiệu quả sản xuất cao hơn so nhóm hộ khác nguyên nhân là do nhóm hộ này cố bám trụ với việc trồng cây ngắn ngày và cây lâu năm nhưng thấy giá trị trồng ổi từ các hộ khác này càng cao hơn lên cũng chuyển chuyển đổi cây trồng theo nhưng muộn hơn rất nhiều, cộng thêm việc học hỏi kinh nghiệm từ các hộ sản xuất

trước, “đất mới”, việc chuyển đổi giống cây ổi mới cho ra quả sớm và chất lượng bền vững hơn cũng góp phần giúp các hộ có hiệu quả sản xuất cao hơn. Mặc dù vậy nhưng hiệu quả lao động của nhóm hộ từ 5 năm trở xuống lại ở mức trung bình, do các hộ này vẫn chưa biết cách phân bổ sử dụng nguồn lực.

Đối với nhóm hộ từ 11-15 năm, tuy có kinh nghiệm trồng lâu hơn nhưng họ thường bảo thủ với hướng sản xuất của mình. Họ thay giống cây theo hướng thay thế giống cũ, chính vì vậy mà chất lượng không đồng đều, mất nhiều công chăm sóc và chỉnh sửa lại khu vườn. Không những vậy nhóm hộ này thường chăm sóc theo ý của mình, tùy chỉnh lượng phân đạm không theo một hướng cụ thể nào, mùa nào, dẫn đến lãng phí nguồn vốn đầu tư, lãng phí nguồn lực mà chất lượng chỉ ở mức trung bình.

3.3.5. Quan điểm, mục tiêu phát triển hộ sản xuất ổi trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

Quan điểm

Phát triển cây ổi phải gắn với quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các quy hoạch có liên quan, đảm bảo khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương

Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp; khuyến khích xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, khuyến khích hộ nông dân đầu tư phát triển trang trại để tăng quy mô sản xuất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô lớn, đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ; phát triển nông nghiệp xanh, hình thành khu nông nghiệp công nghệ cao và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Phát triển nông nghiệp gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa chuyên nghiệp với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao.

Phát triển nông nghiệp theo định hướng mở để huy động cao các nguồn lực xã hội, phát huy sức mạnh hội nhập quốc tế và sự hỗ trợ của nhà nước.

Mục tiêu

Tiếp tục rà soát diện tích đất vườn tạp, đất kém hiệu quả; đất gò đồi, đất lúa... để có kế hoạch

chuyển sang trồng ổi các năm tiếp theo. Mở rộng quy mô sản xuất theo hướng trang trại, gia trại tăng cường liên kết trong sản xuất theo phương thức hợp tác xã, tổ hợp tác để hình thành các vùng sản xuất Ổi tập trung, có sản phẩm hàng hóa; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất, cải thiện mẫu mã và chất lượng Ổi quả theo tiêu chuẩn VietGAP

Khuyến khích liên kết sản xuất theo chuỗi, tiến tới xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, thương hiệu Ổi Thái Nguyên

3.4.6. Các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế các hộ trồng ổi trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

Giải pháp về đào tạo tập huấn nâng cao trình độ kỹ thuật

Hiện nay đối với người nông dân thì vấn đề tập huấn khuyến nông cũng đang trở thành nhu cầu cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh của gia đình cũng như của xã hội. Mặc dù việc tổ chức tập huấn không nhiều nhưng tập huấn khuyến nông đã góp phần nâng cao trình độ hiểu biết của người dân về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng. Để công tác tập huấn khuyến nông ngày càng được nông dân quan tâm thì trạm khuyến nông cần:

Nâng cao số lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân, số lớp phải phù hợp với cơ cấu cây trồng của địa phương. Kiến thức về trồng và chăm sóc là rất cần thiết vì vậy sự tăng cường tập huấn về cây ổi là cần thiết.

Cần đổi mới công tác biên soạn tài liệu và phương pháp giảng dạy tập huấn sao cho phù hợp với khả năng nhận thức của người nông dân. Do điều kiện ở nông thôn trình độ dân trí có hạn nên người nông dân rất hay quên, do đó cơ quan khuyến nông cần phải biên soạn tài liệu dưới dạng các sách khổ nhỏ hoặc thông báo trên loa phát thanh.

Thành phần được tham gia tập huấn cũng cần phải quan tâm, như mỗi thôn, đội bao nhiêu hộ được tham gia tập huấn, và các hộ này phải được chọn điểm có sự phân bố đều trong thôn, đội để sau khi tập huấn, các hộ nông dân có thể trao đổi, truyền đạt cho nhau những kiến thức khuyến nông đã được tập huấn, đó là tác động lan truyền trong cộng đồng dân cư.

Ngoài ra, chúng ta cần phải quan tâm đến việc xác định đối tượng để đào tạo, nếu trong điều kiện kinh phí cho phép chúng ta có thể mở rộng đối tượng được tham gia tập huấn, ngược lại có thể tập huấn cho khuyến nông viên xã, thôn, cán bộ của hội nông dân, hội phụ nữ và các hộ nông dân tiên tiến để sau khi tập huấn, các thành phần này có thể là những hạt nhân trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo đầu bờ. Do đặc điểm của nông dân thường có trình độ dân trí thấp, nên tiếp thu những kiến thức tập huấn trong lớp khó hơn tập huấn khuyến nông tổ chức theo hình thức hội thảo đầu bờ. Cho nên, chúng ta cần phân loại nông dân theo trình độ học vấn để lựa chọn hình thức tập huấn cho phù hợp sẽ có hiệu quả hơn.

- Do sản xuất nông nghiệp mang tính chất thời vụ, nên việc tổ chức các lớp tập huấn về nội dung, thời gian tập huấn phải phù hợp với thời vụ của sản xuất nông nghiệp.

- Chú ý quan tâm xây dựng và triển khai các mô hình trình diễn, là nơi điển hình cho các nông dân khác học tập và làm theo mô hình, do thực tế sản xuất cũng là môi trường đào tạo. Mặt khác, đa số các hộ nông dân trồng ổi học hỏi kinh nghiệm của những hộ nông dân tiên tiến và kinh nghiệm của những hộ nông dân đã trồng ổi lâu năm, các thông tin có tính chất tác động lan truyền và người nông dân luôn có kỳ vọng rằng nâng cao năng suất cây trồng, kết quả và hiệu quả kinh tế trong sản xuất, do đó việc triển khai thực hiện các mô hình trình diễn, có tác động rất lớn đến các hộ nông dân. Để công tác triển khai mô hình trình diễn thực sự đem lại hiệu quả cao, công tác lựa chọn mô hình trình diễn phải đáp ứng được yêu cầu thực tế, đáp ứng được nguyện vọng của nông dân.

- Các hộ nông dân nên thành lập thành hội những người sản xuất thông qua hội thì người dân có thể học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau dễ dàng hơn, liên kết lại để chống sự ép giá của tư thương vào lúc thu hoạch, sự ép giá vật tư vào lúc chăm sóc... nhưng để làm được điều này cần có sự hỗ trợ và quan tâm của các cấp chính quyền địa phương của huyện và của tỉnh.

- Các hộ nên chú ý xen canh, mục đích là làm cho cây sinh trưởng phát triển nhanh, năng suất

cao, chất lượng sản phẩm tốt, và tận dụng diện tích trồng trên bề mặt. Muốn đạt được mục đích này trước hết các hộ gia đình phải chú ý vấn đề mật độ cây, sự sinh trưởng phát triển cây xen canh phù hợp trong điều kiện tự nhiên và khả năng chống chịu. Nhất là trong giai đoạn kiến thiết, ngoài mục đích tăng thêm thu nhập cho hộ còn làm hạn chế cỏ dại mọc trong vườn của mình, chống thay đổi tính chất đất khi cây còn nhỏ. Nhưng trước khi thực hiện trồng xen cần thực hiện trồng ổi với mật độ thích hợp tránh ảnh hưởng đến sự phát triển của cây ổi.

- Một hoạt động không kém phần quan trọng là khi kết thúc mỗi đợt tập huấn, mỗi vụ, mỗi năm cần phải tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của công tác khuyến nông, rút ra bài học kinh nghiệm để có cơ sở triển khai các lớp tiếp theo có hiệu quả hơn.

Giải pháp về quy hoạch phát triển quy mô trồng ổi của hộ

- Đối với sản xuất nông nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất không thể thay thế được. Qua điều tra quan sát ta thấy, ở các vùng khác nhau có điều kiện và chất đất khác nhau thì cho kết quả, hiệu quả kinh tế khác nhau. Sau nhiều năm sản xuất độ màu mỡ của đất sẽ bị thay đổi vì vậy hộ sản xuất nên có chế độ chăm sóc, bón phân đều cho cây ổi, cải tạo chất lượng đất. Đối với những vùng đất không có điều kiện thích hợp để phát triển cây ổi cần chuyển cơ cấu sang trồng các cây khác phù hợp hơn.

- Về diện tích sản xuất, quy mô diện tích đất sản xuất là yếu tố ảnh hưởng cao đến hiệu quả kinh tế sản xuất ổi. Thực tế điều tra cho thấy hộ quy mô lớn sẽ cho hiệu quả cao nhất về cả hiệu quả sản xuất lẫn hiệu quả lao động. Tuy vậy, đối với nhóm hộ có diện tích sản xuất dưới 13 sào có thu nhập hỗn hợp bình quân/công lao động xấp xỉ nhau, so với nhóm có trên 13 sào nhỏ gấp 1,3 lần. Vì vậy, mở rộng quy mô sản xuất là điều rất cần thiết giúp người nông dân nâng cao được thu nhập từ trồng ổi hoặc đầu tư có điều tiết sẽ giúp hộ tăng sản lượng hơn, bền vững hơn.

Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Vài năm trở lại đây sản lượng ổi ngày càng tăng do phần nhiều diện tích ổi bước vào giai đoạn kinh doanh và diện tích trồng ổi không ngừng mở rộng. Nhưng khi sản lượng tăng thì vấn đề tiêu thụ

là vấn đề được người nông dân quan tâm hàng đầu. Phần lớn các hộ đều bán tại vườn, thị trường tiêu thụ và đặc biệt là giá cả hoàn toàn do tư thương thao túng, do đó người nông dân bị thua thiệt về nhiều mặt. Cho nên giải pháp thị trường tiêu thụ cho sản phẩm là giải pháp quan trọng quyết định cho sự phát triển sản và hiệu quả kinh tế của sản xuất ổi. Các biện pháp cho thị trường tiêu thụ là:

Tổ chức thị trường: Nhà nước và chính quyền địa phương cần nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường, tháo gỡ khó khăn từ sản xuất đến thu hoạch của người nông dân, tăng cường công tác tiếp thị, thông tin dự báo thị trường bằng các hình thức tổ chức liên kết kinh doanh, hình thành các mạng lưới đại lý, bao tiêu sản phẩm, có chính sách khuyến khích lợi ích vật chất để nhân rộng mạng lưới này không những ở trong xã mà vươn xa ra ngoài huyện, ngoài tỉnh, các nước trong khu vực có nhu cầu. Để làm được điều này thì cần có sự quan tâm thích đáng của các cấp chính quyền huyện cũng như tỉnh mà vấn đề trước hết là mở rộng nâng cấp sửa chữa cơ sở hạ tầng sản xuất và thông tin liên lạc.

Mở rộng thị trường: Nhà nước và chính quyền địa phương cần có biện pháp xây dựng thương hiệu cho sản phẩm ổi nhất là về quy trình sản xuất thân thiện môi trường, sản phẩm bảo đảm an toàn cho người sử dụng, từ đó định hướng tương lai cho việc xuất khẩu các thị trường tiềm năng, ổn định. Quản lý thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tính ổn định của thị trường trong và ngoài nước.

Cải thiện chất lượng quả, chống rụng quả, sâu bệnh hại trên cây ổi; hỗ trợ nghiên cứu về trồng trọt, thu hái, sơ chế, chế biến đa dạng các sản phẩm từ quả ổi gắn với chương trình OCOP.

Các nhóm giải pháp khác

Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, tự nâng cao năng lực để tiếp cận thị trường nhanh và hiệu quả nhất

Đưa sản phẩm Ổi thành phố Thái Nguyên vào hệ thống các siêu thị, vì khi quả Ổi Thành phố Thái Nguyên được bày bán tại các siêu thị lớn thì nhu cầu của nó tại các thị trường khác cũng sẽ dần được hình thành và phát triển.

Thúc đẩy việc hình thành mối liên kết ngang giữa nông dân và nông dân để tạo thế mạnh cho việc trồng ổi và tránh tình trạng ép giá cũng như góp phần tái phân phối lại lợi nhuận giữa các tác nhân.

Liên kết các hộ nông dân thành các tổ hợp tác, hợp tác xã để tạo ra vùng sản xuất lớn, cùng tiêu chuẩn, cùng quy trình tạo lợi thế cho xuất khẩu. Phát triển các tổ chức liên kết thông qua hình thức các HTX, công ty, doanh nghiệp và các loại hình tổ chức khác theo mô hình HTX ở các quy mô khác nhau. Thúc đẩy các tổ chức này hình thành và phát triển thông qua tạo cơ chế hỗ trợ về nhiều mặt, hướng dẫn và phổ biến các thông tin, kết nối các bên tham gia. Các bên tham gia, nhất là các cơ sở chế biến và đơn vị tiêu thụ có thể ở ngoài huyện Thành phố Thái Nguyên.

4. Kết luận

Hiệu quả kinh tế của sản xuất ổi chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố như điều kiện tự nhiên, nguồn lực đất đai, nguồn lực lao động và con người.

Theo điều kiện hộ chi tiêu phản ánh kết quả sản xuất thì nhóm hộ quy mô lớn là nhóm có kết quả sản xuất tốt nhất. Về giá trị sản xuất của nhóm hộ quy mô lớn đạt 23,12 triệu đồng cao gấp hơn 1,1 lần so với hộ quy mô trung bình và gấp 1,17 lần so với hộ quy mô nhỏ. Điều này là phù hợp vì nhóm hộ quy mô lớn có điều kiện hơn về kinh tế vì vậy họ có điều kiện tốt hơn để chăm sóc vườn ổi của mình.

Hiệu quả theo quy mô các hộ có quy mô lớn thì có điều kiện hơn và họ chuyên tâm sản xuất hơn các hộ khác. Mặt khác, họ có chiến lược kỹ thuật chăm sóc khác xa so với các nhóm hộ khác. Chính vì vậy cứ 1 đồng chi phí trung gian nhóm hộ này thu về được 3,28 đồng giá trị sản xuất, cao hơn so với hộ có quy mô trung bình 1,20 lần, nhưng xấp xỉ hộ có quy mô nhỏ chỉ gấp hơn 1,04 lần. Tuy nhiên thì 1 đồng chi phí trung gian nhóm hộ này cho mức thu nhập hỗn hợp bằng nhóm hộ quy mô nhỏ và cao hơn nhóm hộ quy mô trung bình là 1,3 lần.

Tác giả đã đưa ra được 5 giải pháp giúp nâng cao hiệu quả kinh tế các hộ trồng ổi bao gồm (1) Giải pháp về khuyến nông, (2) Giải pháp về đất đai, (3) Giải pháp về thị trường tiêu thụ, (4) Giải pháp về vốn, (5) Nhóm các giải pháp khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đỗ Kim Chung. (2021). *Giáo trình Kinh tế nông nghiệp*, NXB Học viện Nông nghiệp, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Quốc Chính. (2007). *Kinh tế nông hộ và trang trại*, Bài giảng cho cao học kinh tế nông nghiệp K15A, Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.
- [3]. Mai Thanh Cúc, Quyền Đình Hà. (2005). *Giáo trình phát triển nông thôn*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [4]. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, *Niên giám thống kê năm 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Lâm Dũng. (2008). *Nông nghiệp Việt Nam - Thách thức và triển vọng*
- [6]. Hoàng Văn Định, Vũ Văn Thắng. (2002). *Giáo trình kinh tế phát triển nông thôn*. NXB Thống kê, Hà Nội.
- [7]. Nguyễn Thị Thùy Ngân. (2015). Đánh giá hiệu quả kinh tế của các hộ gia đình sản xuất ổi tại xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *Luận văn đại học*, Đại học Nông nghiệp I.
- [8]. Đào Quang Nghị. (2011). *Nghiên cứu tuyển chọn, nhân giống và kỹ thuật thâm canh ổi không hạt phục vụ phát triển sản xuất tại một số tỉnh Đồng bằng sông Hồng*, Viện nghiên cứu rau quả - Bộ NNPTNT.
- [9]. Nguyễn Quang Thái và cs. (2019). *Nghiên cứu xây dựng quy trình chiết và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của cao lá ổi non trồng tại xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*, Trường ĐH Bà Rịa - Vũng Tàu.
- [10]. UBND thành phố Thái Nguyên. (2022). *Báo cáo về tình hình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2022 và phương hướng phát triển cho năm 2023*.
- [11]. Mai Văn Xuân. (1995). Nghiên cứu phát triển kinh tế nông hộ theo hướng sản xuất hàng hóa trên các vùng sinh thái ở huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế. *Luận án tiến sĩ kinh tế*, Đại học Nông nghiệp I, Hà Nội.
- [12]. Mai Văn Xuân. (2013). *Bài giảng kinh tế hộ và trang trại*, Trường đại học kinh tế Huế.

Thông tin tác giả:

1. Dương Thị Thu Hoài

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên
- Địa chỉ email: duongthithuhoai@tuaaf.edu.vn

2. Vũ Thị Hiền

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên

3. Đỗ Hoàng Sơn

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên

4. Cù Ngọc Bắc

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên

Ngày nhận bài: 26/1/2024

Ngày nhận bản sửa: 29/3/2024

Ngày duyệt đăng: 29/3/2024